

THỰC TRẠNG ĐỊNH HƯỚNG GIÁ TRỊ TÌNH YÊU CỦA SINH VIÊN MỘT SỐ TRƯỜNG ĐẠI HỌC TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH VÀ ĐỀ XUẤT MÔ HÌNH THAM VẤN TÂM LÝ

PHAN THỊ TỐ OANH¹, LÊ NGUYỄN ANH NHƯ²

¹ Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh

² Trường Đại học Khoa học Xã hội Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh

phanthitoanh@iuh.edu.vn

Tóm tắt. Kết quả nghiên cứu định hướng giá trị (ĐHGT) tình yêu (TY) của 599 sinh viên tại các trường đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, đại học Công nghiệp TP.HCM và đại học Khoa học Tự nhiên cho thấy sinh viên có ĐHGTY tích cực với việc hướng nhiều nhất tới nhóm giá trị gắn bó, tiếp theo là nhóm cam kết, cuối cùng thuộc về giá trị tình dục và sự thống nhất giữa 3 mặt nhận thức – thái độ – hành vi. Tuy nhiên, mối tương quan giữa 3 mặt này không cao. Điều này thể hiện sự đa dạng trong ĐHGTY của sinh viên. Bên cạnh đó, sinh viên có mong muốn cao trong việc thành lập phòng/trung tâm tham vấn tâm lý trong các trường đại học để giúp bản thân có ĐHGTY đúng đắn. Mô hình tham vấn chuyên nghiệp và liệu pháp Thân chủ trọng tâm của Carl Rogers có thể là tư liệu hữu ích cho các trường tham khảo và ứng dụng.

Từ khóa. Giá trị, định hướng giá trị, định hướng giá trị tình yêu, liệu pháp thân chủ trọng tâm, tham vấn tâm lý, sinh viên

THE REALITY ABOUT ORIENTATING LOVE VALUES OF STUDENTS AND SUGGESTING THE PSYCHOLOGICAL COUNSELING MODEL

Abstract. Results of research about love value orientations of 599 students in 3 universities: University of Social Sciences and Humanities, University of Science and Industrial University of HCMC stated that students had a positive love orientation mostly directing toward to the associative value group, sex value group, and then the commitment value group and the unity among the three cognitive - attitude – behavior. However, the relationships among the three sides are not high. This represents the diversity of love value orientation of students. Besides, they had a high desire about a psychological counselling center established in the university to help them have the right love orientation. The professional counselling model and “Person - Centered” therapy of Carl Rogers might be a useful reference for the university to refer and apply.

Keywords. Value, value orientation, love value orientation, Person - Centered therapy, psychology counselling, student

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tuổi sinh viên là giai đoạn con người phát triển trưởng thành về mọi mặt, cả thể chất lẫn tinh thần. Trong đó, ĐHGTY là một trong những lĩnh vực cơ bản và có ảnh hưởng quan trọng vì nó là cơ sở bên trong của hành vi, quyết định lối sống của sinh viên. Vì thế, chỉ có định hướng đúng đắn thì sinh viên mới đạt được mối quan hệ hạnh phúc, góp phần gặt hái các thành công khác trong cuộc sống.

Mặt khác, các phòng hay trung tâm tham vấn tại các trường học đã chứng minh được vai trò quan trọng và lợi ích to lớn mà nó mang lại cho người học trong việc giúp họ giải quyết các khó khăn về mặt tinh thần, tình cảm, sống tốt hơn và học hiệu quả hơn. Chính vì thế, tại các quốc gia phát triển như Mỹ, Anh, Pháp..., các trường học nhất là trường đại học luôn có phòng hay trung tâm tham vấn để hỗ trợ sinh viên sinh viên.

Ở nước ta hiện nay, những hành vi lệch chuẩn liên quan đến tình yêu sinh viên xuất hiện ngày càng

phổ biến như tấn công tình dục, tự tử, giết người... nhưng các phòng/trung tâm tham vấn tâm lý vẫn chưa được thành lập rộng rãi tại các trường đại học. Điều này càng khẳng định thêm sự thiết yếu của việc thành lập phòng/trung tâm tham vấn để ĐHGTY cho sinh viên, giúp sinh viên có định hướng tốt hơn trong cuộc sống.

2. CÁC KHÁI NIỆM CƠ BẢN

Về mặt lí luận, bài viết đề cập đến 3 khái niệm quan trọng là giá trị (GT), ĐHGTY và ĐHGTY TY. Đầu tiên, *GT là những cái được đánh giá có ích, có ý nghĩa tích cực, cần thiết và thỏa mãn được nhu cầu của chủ thể trong mối quan hệ với khách thể, thực tiễn*. Tiếp theo, khái niệm ĐHGTY thường được hiểu 2 nghĩa: 1) Mỗi cá nhân hay cộng đồng nào đó ĐHGTY cho mình có nghĩa là *lựa chọn cho mình một GT hoặc hệ thống GT nào đây*; 2) Mỗi cá nhân hay cộng đồng ĐHGTY cho một người hay một tập thể có nghĩa là *giáo dục GT* [2].

Cuối cùng, *ĐHGTY của sinh viên là sự thừa nhận và lựa chọn cho bản thân những GT TY chuẩn mực, cơ bản, thiết yếu trong hệ thống GT dựa trên quá trình nhận thức, đánh giá logic một cách tự do, tự nguyện và theo đặc trưng, nhu cầu của riêng mình*¹. Ta thấy, bản chất của quá trình này bao gồm ba yếu tố kết hợp chặt chẽ là nhận thức, thái độ và hành vi được biểu hiện ra bên ngoài của cá nhân. Do đó, việc tìm hiểu ĐHGTY phải dựa trên ba yếu tố này: Nhận thức về tầm quan trọng của các giá trị TY; thái độ biểu hiện (xu hướng rõ rệt, hình thành quy luật nhất quán trong cách cư xử) đối với các giá trị và hành vi (cách ứng xử) trong các tình huống cụ thể liên quan đến việc thể hiện các giá trị TY.

3. KHẢO SÁT THỰC TRẠNG ĐHGTY TÌNH YÊU CỦA SINH VIÊN MỘT SỐ TRƯỜNG ĐẠI HỌC TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

3.1. Giới thiệu khái quát về tổ chức khảo sát thực trạng

Mục tiêu khảo sát

Thu thập số liệu thực tế về ĐHGTY tình yêu của sinh viên.

Nội dung khảo sát

Định hướng giá trị của sinh viên về 3 nhóm giá trị TY là gắn bó, tình dục và cam kết². Trong đó, nhóm gắn bó gồm các giá trị mang lại hoặc đảm bảo sự gắn kết với tình cảm ấm áp, thân thiết và gắn bó hai người lại với nhau để khiến TY thêm sâu đậm (quan tâm chăm sóc, chung thủy, hiểu biết lẫn nhau...); nhóm tình dục bao gồm các giá trị thể hiện sự lãng mạn, sự lôi cuốn thể xác và hấp dẫn tình dục trong quan hệ lứa đôi (ngoại hình, ham muốn tình dục, năng lực tình dục...) và nhóm cam kết gồm có các giá trị củng cố cam kết ngắn - quyết định yêu một ai đó hoặc cam kết dài hạn – gắn kết lâu dài/suốt đời (đạo đức, tính cách, điều kiện kinh tế...).

Đối tượng và địa bàn khảo sát

Về mặt nghiên cứu thực tiễn, chúng tôi tiến hành khảo sát ĐHGTY của 599 sinh viên ở 3 trường là đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, đại học Khoa học Tự nhiên và đại học Công nghiệp (khối ngành kinh tế).

Phương pháp khảo sát

- Khảo sát bằng bảng hỏi.
- Phòng vấn sâu sinh viên, giảng viên và chuyên gia.

Cách thức xử lí thông tin

- Sử dụng phương pháp toán thống kê và xử lí số liệu bằng phần mềm SPSS.

3.2. Kết quả khảo sát

Sau quá trình khảo sát và xử lí số liệu, kết quả cho thấy: Ngày nay, các GT TY có nhiều sự thay đổi so với thời xưa của ông bà, cha mẹ. Cụ thể là 91.7% sinh viên đồng ý “Sinh viên ngày nay được tự do hơn trong TY và trong việc lựa chọn người yêu”. Đây là điều mà trước đây là không thể được vì vi phạm vào chuẩn mực đạo đức của xã hội xưa, vốn xuất phát từ quan niệm “nam nữ thụ thụ bất tương thân” và tục lệ

¹ Định nghĩa do tác giả tổng hợp dựa trên quá trình nghiên cứu lí luận

² Dựa theo thuyết “Tam giác TY” của Robert Sternberg (1986)

“cha mẹ đặt đâu, con ngồi đó”. Bên cạnh đó, cùng với sự phát triển của đời sống thời hiện đại, sự bình đẳng giới trong TY của sinh viên nam nữ cũng được tăng lên với 84% sinh viên đồng ý “TY của sinh viên có sự bình đẳng giới cao hơn so với ngày xưa”. Điều này thể hiện tính văn minh, tiên bộ của xã hội Việt Nam theo cùng xu hướng thế giới.

Ngoài ra, có một thực trạng hoàn toàn khác trước đang diễn ra là: Hiện nay, sinh viên xem xét tình dục là một GT TY với tỉ lệ đồng tình là 38,1%. Thực trạng này gây nên xáo trộn rất lớn đối với xã hội nói chung, và gia đình, bản thân sinh viên nói riêng. Một mặt, nó là điều không thể tránh khỏi vì với đặc điểm của thời đại hiện nay, cuộc “Cách mạng tình dục” – thuật ngữ ám chỉ những thay đổi trong quan niệm xã hội và những qui tắc biểu hiện liên quan đến tình dục đang ngày càng lan rộng trên thế giới. Và xu hướng “tình dục thoáng” đang có ảnh hưởng mạnh mẽ đến giới trẻ Việt Nam. Mặt khác, một bộ phận không nhỏ trong xã hội ta mà thường là người cao tuổi hay thậm chí là sinh viên trẻ vẫn còn đề cao giá trị “trinh tiết, trong sáng” hoặc coi tình dục là vấn đề xấu hổ, thấp kém, trái đạo đức... Vì những mâu thuẫn này, có thể nói, sinh viên hiện nay còn gặp nhiều khó khăn, băn khoăn về vấn đề tình dục trong TY.

Một thực trạng nữa cần chú ý là gần 90% sinh viên đồng ý với nhận định “Sinh viên cần được học về các vấn đề TY, tình dục để có định hướng đúng” và hơn 70% cho rằng “Sinh viên vẫn thiếu kiến thức về tình yêu và tình dục (giới tính, sức khỏe sinh sản...)”. Điều này càng khẳng định thêm sự thật là sinh viên sinh viên gặp khó khăn trong mối quan hệ TY cá nhân và có nhu cầu được tìm hiểu về nó. Nhìn chung, kết quả nghiên cứu bước đầu cho thấy có sự thay đổi so với trước đây trong ĐHGTY của sinh viên. Trong đó, sinh viên ngày nay xem xét các vấn đề liên quan đến giới tính – tình dục là một GT trong TY và nhấn mạnh sự cần thiết của việc giáo dục giới tính, TY cho sinh viên.

Bên cạnh đó, theo kết quả khảo sát thực tiễn cho thấy ĐHGTY của sinh viên có sự thống nhất giữa 3 mặt nhận thức – thái độ - hành vi. Sinh viên đánh giá cao nhất nhóm giá trị gắn bó (4.24) cũng như có biểu hiện thái độ (3.40) và hành vi tích cực (70.0%) nhiều nhất dành cho nhóm giá trị này; kế đến là nhóm giá trị cam kết và nhóm giá trị tình dục đứng sau chót. Tuy nhiên, sự khác biệt giữa nhóm giá trị tình dục và cam kết không cao. Điều này chứng tỏ sinh viên có sự coi trọng gần như nhau giữa 2 nhóm giá trị này.

Bảng 1: Định hướng giá trị tình yêu của sinh viên

ĐHGTY	Nhóm giá trị		
	Gắn bó	Tình dục	Cam kết
ĐTB Nhận thức	4.24	3.73	3.76
ĐTB Thái độ tích cực	3.40	2.69	2.85
% Lựa chọn hành vi tích cực	70.9	59.1	66.2

(ĐTB: Điểm trung bình)

Ta thấy, khi phân tích 3 yếu tố nhận thức – thái độ - hành vi một cách riêng biệt trong ĐHGTY của sinh viên, kết quả thể hiện sự thống nhất khi sinh viên có định hướng tích cực với việc hướng nhiều nhất tới nhóm giá trị gắn bó, tiếp theo là nhóm cam kết và cuối cùng thuộc về giá trị tình dục. Để tìm hiểu sâu hơn nữa về sự tương đồng vừa nêu trên, người nghiên cứu tiến hành khảo sát mối tương quan giữa 3 yếu tố này.

Bảng 2: Mối tương quan giữa nhận thức, thái độ và hành vi trong ĐHGTY

Các yếu tố	Nhận thức	Thái độ	Hành vi
Nhận thức	1	0.054	0.059
Thái độ	0.054	1	0.128
Hành vi	0.059	0.128	1

Ta thấy, mối tương quan giữa 3 mặt nhận thức – thái độ - hành vi trong ĐHGTY của sinh viên rất thấp. Điều này có nghĩa là liên hệ giữa chúng rất yếu. Trong đó, mối tương quan giữa hành vi – thái độ cao

nhất, hành vi – nhận thức đứng thứ 2 và sau chót là nhận thức – thái độ.

Kết quả này tương đồng với kết quả khảo sát sâu hơn về từng giá trị TY cụ thể: Có sự mâu thuẫn trong thể hiện lựa chọn hành vi và nhận thức của sinh viên về các giá trị TY. Cụ thể, các GT “*Đánh giá cao sự hiện diện của người yêu*”, “*Sẵn sàng học hỏi, thay đổi bản thân tốt hơn vì người yêu*”, “*Chia sẻ*”, “*Ủng hộ người yêu*” được nhận thức có tầm quan trọng không cao nhưng lại có nhiều sinh viên lựa chọn cách ứng xử tích cực nhất. Ngược lại, những GT được đánh giá cao như “*Chung thủy*”, “*Quý trọng người yêu*”, “*Yêu thương, mong muốn mang điều tốt đẹp cho người yêu*” lại có tỉ lệ sinh viên lựa chọn cư xử tích cực thấp.

Tương tự, cũng có nhiều sự mâu thuẫn trong biểu hiện của nhận thức và thái độ của sinh viên dành cho các giá trị TY. Chi tiết hơn, sinh viên đánh giá bản thân phù hợp nhất với thái độ “*Tôi yêu thương và tôn trọng người yêu của mình một cách chân thành*” (ĐTB = 4.23) nhưng chỉ đánh giá tầm quan trọng của giá trị yêu thương ở mức 5 với ĐTB = 4.28; GT “*lãng mạn*” trong nhóm TD chỉ có hạng 7 về tầm quan trọng nhưng sinh viên lại đánh giá bản thân phù hợp với nó (“*Tôi thường xuyên thể hiện sự lãng mạn trong TY*”) cao thứ 2...

Như vậy, kết quả khảo sát đã thể hiện tính độc lập cao của 3 mặt nhận thức – thái độ - hành vi trong ĐHGT TY ở các sinh viên. Điều này càng khẳng định thêm sự cần thiết của việc tìm hiểu kỹ càng, chi tiết cả 3 yếu tố này khi nghiên cứu ĐHGT TY vì không thể từ biểu hiện trong một nhân tố mà có thể suy diễn điều xảy ra tiếp theo giống như luật nhân quả “*có A thì dẫn đến B*”. Mặt khác, nó còn cho thấy sự sinh động, đa dạng trong biểu hiện về nhận thức – thái độ - hành vi dành cho giá trị TY ở sinh viên.

Do đó, muốn tác động đến ĐHGT TY của sinh viên một cách hiệu quả, việc thành lập phòng/trung tâm tham vấn là giải pháp hữu hiệu. Vì hoạt động tham vấn tìm hiểu một cách sâu sắc 3 mặt nhận thức – thái độ - hành vi của sinh viên để tác động đầy đủ đến chúng mà những hoạt động khác như giáo dục, cung cấp thông tin... khó có thể thực hiện được.

4. ĐỀ XUẤT THÀNH LẬP PHÒNG THAM VẤN TÂM LÝ TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHẪM ĐHGT TY CHO SINH VIÊN

Thành lập văn phòng tham vấn cho sinh viên nhằm giúp đỡ sinh viên gặp khó khăn trong tâm lý, học tập hay vấn đề cá nhân là điều rất cần thiết vì nó mang lại hiệu quả cao trong việc hỗ trợ sinh viên giải quyết những trở ngại của đời sống tâm lý, tinh thần. Tuy nhiên, trên nước ta hiện nay, số lượng trường đại học thành lập văn phòng, trung tâm tham vấn tâm lý cho sinh viên rất ít thậm chí là không tại nhiều vùng trên cả nước.

Theo kết quả khảo sát, sinh viên có mong muốn cao đối với việc “*Mở phòng tham vấn tâm lý có các chuyên viên để giúp sinh viên về các vấn đề trong TY, tình dục*” (ĐTB = 4.03). Kể cả các giảng viên cũng nhận thấy sự cần thiết của vấn đề này. Cô N – giảng viên trường Đại học Công Nghiệp cho biết “*Trường Đại học Công nghiệp trước đây chưa có phòng tham vấn tâm lý mà chỉ mới có phòng tham vấn tuyển sinh. Cô nghĩ việc thành lập phòng tham vấn tâm lý rất có ích và đáp ứng được nhu cầu của sinh viên vì cô nhận thấy các sinh viên của mình có nhiều khó khăn tâm lý nhưng lại không biết cách giải quyết. Điển hình như cách đây không lâu, khi cô vào lớp dạy thì thấy có một bạn biểu hiện mệt mỏi, chán chường, không tập trung nên hỏi và biết được nguyên nhân là bạn ấy đang thất tình nên học không vô dù cũng muốn học...*”.

Nhu cầu của sinh viên đối với việc tham vấn tâm lý và mong muốn nhà trường thành lập phòng tham vấn để giúp sinh viên có ĐHGT TY đúng là không thể phủ nhận được. Chính vì thế, trước nhất, ban lãnh đạo nhà trường cần nhận thức rõ tầm quan trọng của phòng/trung tâm tham vấn tâm lý để ban hành chính sách thành lập và hỗ trợ kinh phí hoạt động, phát triển cũng như xác định tiêu chuẩn, nguyên tắc, trách nhiệm, văn bản qui định về hoạt động của phòng/trung tâm tham vấn.

Phòng/trung tâm tham vấn tâm lý là nơi cung cấp các dịch vụ liên quan đến sức khỏe tâm thần lẫn những vấn đề khác được thực hiện bởi các tham vấn viên với mục tiêu là tạo điều kiện và hỗ trợ các nhiệm vụ giáo dục của trường đại học. Trong đó, tham vấn “*Là sự áp dụng nguyên tắc tâm lý, sức khỏe tinh thần hay nguyên tắc về sự phát triển con người thông qua các chiến lược can thiệp một cách có hệ thống về nhận thức, xúc cảm, hành vi, tập trung vào sự lành mạnh, sự phát triển cá nhân, phát triển nghề nghiệp cũng như vấn đề bệnh lý*”.

Chính vì tầm quan trọng và phức tạp của quá trình này, đội ngũ tham vấn viên phải là những người

được đào tạo chuyên môn sâu, giàu kinh nghiệm cùng kết hợp với các cộng tác viên như sinh viên chuyên ngành tâm lý, các sinh viên khóa trước, đoàn thanh niên, giảng viên tâm lý... Chỉ có đội ngũ những nhà tham vấn chuyên nghiệp, đa dạng với những chuyên ngành khác nhau mới có khả năng thực hiện được chức năng của phòng/trung tâm tham vấn tâm lý là hỗ trợ, định hướng cho sinh viên.

Mặt khác, lĩnh vực hoạt động của phòng/trung tâm tham vấn là hướng tới một chương trình tập trung toàn diện trên sinh viên; không chỉ về hoạt động học tập, nghề nghiệp mà còn vấn đề tình cảm, khó khăn cá nhân. Để giúp cho sinh viên có thể hiểu rõ các giá trị, mục tiêu trong cuộc sống cũng như phát triển khả năng tự định hướng, sự tự tin, lòng tự trọng..., phòng/trung tâm cần thực hiện toàn diện các nội dung tham vấn tâm lý sau: tham vấn học tập, tham vấn nghề nghiệp và tham vấn cá nhân.

Tham vấn học tập cung cấp cho sinh viên tất cả các thông tin có giá trị liên quan đến vấn đề học tập của tất cả các chuyên ngành ở cấp bậc đại học một cách rõ ràng, xúc tích, và cập nhật liên tục để giúp sinh viên có sự lựa chọn đúng đắn về con đường học vấn của mình. Thêm vào đó, tham vấn học tập còn hỗ trợ, giúp sinh viên giải quyết các vấn đề khó khăn xuất phát từ quá trình học tập ở cấp bậc đại học cũng như cung cấp các thông tin – những điều giúp ích, nâng cao và tạo thuận cho quá trình học tập của sinh viên như là học bổng, quỹ hỗ trợ sinh viên...

Tham vấn nghề nghiệp áp dụng hệ thống những biện pháp tâm lý – giáo dục nhằm đánh giá toàn bộ năng lực thể chất và trí tuệ của sinh viên để giúp sinh viên hiểu rõ và đầy đủ về nghề nghiệp, khả năng của bản thân. Trên cơ sở đó, sinh viên sẽ nhận được những lời khuyên về chọn nghề có căn cứ khoa học, loại bỏ những trường hợp may rủi, thiếu chín chắn trong khi chọn nghề. Do đó, nó mang lại cơ hội tuyệt vời cho sinh viên lựa chọn cho mình nghề phù hợp nhất và có cơ hội phát triển sự nghiệp một cách vững chắc.

Đặc biệt, đối với đời sống sinh viên nói chung và ĐHGTY nói riêng, tham vấn cá nhân có vai trò vô cùng quan trọng. Vì tham vấn cá nhân mang lại cho sinh viên sinh viên – những người đang cần và tìm kiếm sự giúp đỡ, hỗ trợ trong việc giải quyết những vấn đề cá nhân như TY, gia đình, rối loạn tâm lý (stress, trầm cảm, lo âu...) cũng như các vấn đề khác cơ hội vượt qua khó khăn để trở lại cuộc sống thường nhật. Riêng trong vấn đề ĐHGTY, tham vấn cá nhân tác động đến đầy đủ các mặt nhận thức – thái độ - hành vi; giúp các sinh viên xử lý, đối phó được những cảm xúc tiêu cực của bản thân, có nhận thức sáng suốt hơn, thái độ tích cực cũng như hành động phù hợp với bản thân, người yêu để từ đó hình thành định hướng TY đúng đắn trong hệ thống nhân cách của cá nhân. Biện pháp này đặc biệt hiệu quả trong việc hạn chế những hành vi lệch chuẩn của sinh viên trong mối quan hệ TY vì nó tác động sâu sắc, toàn diện đến đời sống tinh thần của các sinh viên đang có khủng hoảng tâm lý liên quan đến TY; giúp sinh viên bình tâm, làm chủ cảm xúc, có cái nhìn sáng suốt, xây dựng lòng tự tin, tự trọng, hướng thiện... để có nhận thức và hành vi đúng mực.

Để thực hiện được hiệu quả công tác ĐHGTY cho sinh viên thông qua lĩnh vực tham vấn cá nhân trong quá trình tham vấn tâm lý trong trường đại học, phòng/trung tâm tham vấn cần áp dụng các mô hình tham vấn chuyên nghiệp. Trong đó, mô hình tham vấn và kỹ thuật trị liệu “thân chủ trọng tâm” của Carl Rogers có tính ứng dụng cao và có thể phù hợp với các phòng/trung tâm tham vấn tâm lý trong các trường đại học ở nước ta - vốn đang ở giai đoạn hình thành sơ khai vì nó không đòi hỏi tính kỹ thuật cao. Nguyên lý trị liệu của liệu pháp này là Carl Rogers tin rằng mọi người đều có các nguồn lực cho sự phát triển cá nhân và khả năng chữa lành trong chính họ. Suốt tiến trình trị liệu, nhà tham vấn là người trợ giúp, bạn đồng hành cùng sinh viên trong quá trình trưởng thành. Dưới các hình thức trị liệu khác nhau theo trường phái này từ các chuyên viên tham vấn, sinh viên sẽ tự phát triển những khả năng của mình để xác định, lựa chọn những GT TY đúng và có biện pháp xử lý, vượt qua vấn đề đang mắc phải [4].

Trong thực tế, mô hình tham vấn và liệu pháp thân chủ trọng tâm đã chứng minh được sự thành công trong điều trị rối loạn nhân cách và các vấn đề về *mối quan hệ*, cũng như lạm dụng chất. Bởi vì liệu pháp này tập trung vào việc tăng cường lòng tự trọng, tự nhận thức và tin tưởng bản thân. Mục đích của nó là làm sinh viên tăng cảm giác về giá trị bản thân, cởi bỏ mặt nạ, sống vui với chính mình, chấp nhận bản thân, thu hẹp khoảng cách giữa lý tưởng và khả năng thực tế; cho phép họ phát triển một cách tích cực bằng cách tự trở nên tốt nhất trong khả năng của chính mình để từ đây, họ có nhận thức sáng suốt cũng như khả năng lựa chọn các GT. Tuy nhiên, liệu pháp này ít quan tâm đến kỹ thuật lẫn giới hạn thời gian tham vấn như những trường phái khác. Điều này gây nên nhiều bất đồng trong giới chuyên môn khi đánh giá nó [5]. Để góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của phòng tham vấn, những trường đại học có thể

tham khảo các mô hình, chương trình đã được áp dụng thành công ở nước ngoài để học hỏi kinh nghiệm và áp dụng có chọn lọc tùy thuộc vào hoàn cảnh cụ thể của mình.

Bên cạnh đó, các chuyên viên của phòng tham vấn cũng nên hợp tác, tham vấn về chuyên môn cho các phòng ban khác trong trường đại học để tiến hành giáo dục giới tính, giáo dục ĐHGTY cho sinh viên để sinh viên có nhận thức đúng, **lựa chọn các GT giúp hình thành TY chân thành** như yêu thương, ủng hộ, chung thủy, lãng mạn, tôn trọng...; có quan điểm hợp lý về tình dục; tránh việc đề cao và chọn các GT thiên về vụ lợi, vật chất, tình dục trong TY.

5. Kết luận:

Tóm lại, ĐHGTY của sinh viên là sự thừa nhận và lựa chọn cho bản thân những GT TY một cách tự do, tự nguyện và theo đặc trưng, nhu cầu của riêng mình. Kết quả khảo sát thực tiễn ĐHGTY của 599 sinh viên tại 3 trường đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, đại học Tự nhiên và đại học Công nghiệp cho thấy sinh viên sinh viên định hướng nhiều nhất về nhóm giá trị gắn bó, kế đến là nhóm giá trị cam kết và sau chót là nhóm tình dục; sự thống giữa 3 mặt nhận thức – thái độ - hành vi nhưng mối tương quan giữa chúng rất thấp. Để giúp sinh viên có ĐHGTY đúng đắn, biện pháp xây dựng phòng – trung tâm tham vấn tâm lý tại các trường đại học là giải pháp hữu hiệu vì nó tác động sâu rộng, đầy đủ đến 3 mặt của ĐHGTY. Trong đó, mô hình tham vấn chuyên nghiệp và liệu pháp thân chủ trọng tâm với những ưu điểm của mình là khoa học, ít đòi hỏi về mặt kỹ thuật... đã trở thành nguồn tham khảo tiềm năng cho các trường xem xét và ứng dụng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Thị Minh Đức (2012), Giáo trình tham vấn tâm lý, Nhà xuất bản Đại học quốc gia Hà Nội.
2. Phạm Minh Hạc, Thái Duy Tuyên (chủ biên) (2012), Định hướng giá trị con người Việt Nam thời kì đổi mới và hội nhập, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia
3. Thái Duy Tuyên (1998), Những vấn đề cơ bản giáo dục hiện đại, Nhà xuất bản Giáo dục.
4. Carl Rogers (1992), Tiến trình thành nhân, Nhà xuất bản thành phố Hồ Chí Minh.
5. Nguyễn Thơ Sinh (2008), Các học thuyết tâm lý nhân cách, Nhà xuất bản Lao Động.

Ngày nhận bài: 23/12/2017

Ngày chấp nhận đăng: 20/03/2018